

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày 02/12/2022.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con giữa anh L và chị T”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.

*Các Hội Thẩm nhân dân: - Ông Lê Văn Đước
- Ông Mai Thanh Chúc*

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 9 năm 2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐST-HN, ngày 04/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 04/2022/QĐST – NHGD, ngày 21/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp M Q, xã H M T, huyện C N, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp M Q, xã H M T, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Kim T quen nhau và xác lập quan hệ hôn nhân năm 2008 có đăng ký kết hôn theo quy định, thời gian chung sống anh và chị T có 01 con chung tên Lê Thị Kim C, sinh ngày 11/9/2010 chị T đang nuôi dưỡng, anh L cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01 năm

2010 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do chị T không lo cho anh khi anh bệnh nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau vợ chồng không sống chung 12 năm nay, tình cảm giữa vợ chồng không còn. Nay anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T.

Về con chung tên: Lê Thị Kim C, sinh ngày 11/9/2010 chị T đang nuôi anh L đồng ý để chị T tiếp tục nuôi và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh L không khởi kiện, không tranh chấp, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về xác lập quan hệ hôn nhân, về kết hôn, về con chung anh L trình bày là đúng. Về tài sản chung chị không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, về số nợ phải thu, phải trả không tranh chấp, không yêu cầu. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, chị T cho rằng 2010 mẹ chị bệnh nên chị về nhà mẹ chăm sóc nhưng vợ chồng cũng qua lại thường xuyên trong thời gian vợ chồng không chung sống anh L có người phụ nữ khác chị có khuyên nhưng mỗi lần vợ chồng cãi nhau là anh lại có người phụ nữ khác cứ lập đi lập lại nhiều lần như thế đến nay anh L cũng có người phụ nữ khác nên anh L làm đơn xin ly hôn với chị.

Nay chị xét thấy còn thương chồng và mong muốn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc; trường hợp ly hôn về con chung tên Lê Thị Kim C, sinh ngày 11/9/2010, chị yêu cầu được nuôi và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và cấp dưỡng một lần; về tài sản chung của vợ chồng chị không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay con chung của anh L và chị T tên Lê Thị Kim C, sinh ngày 11/9/2010 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh L, về hôn nhân cho anh L và chị T được ly hôn với nhau, về con chung Lê Thị Kim C, sinh ngày 11/9/2010 chị T đang nuôi và theo nguyện vọng của con được sống

chung với chị T nên đề chị T được tiếp tục nuôi con Lê Thị Kim C và anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp, việc chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng và cấp dưỡng một lần là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Về tài sản chung và về số nợ phải thu, phải trả anh L và chị T không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, án phí anh L được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của anh Lê Văn L khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T và yêu cầu nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh L và chị T chung sống với nhau năm 2008 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của anh L và chị T là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn anh L thì cho rằng chị T không chăm lo cho anh khi anh bị bệnh nặng từ đó bất đồng quan điểm, sống không có hạnh phúc. Tại phiên tòa hôm nay chị T cũng thừa nhận đôi lúc vợ chồng có cãi nhau nhưng không có mâu thuẫn gì lớn trong cuộc sống vợ chồng đôi lúc có giận nhau nhưng khi hết thì vợ chồng vẫn chung sống với nhau nay anh L có người phụ nữ khác nên xin ly hôn với chị, chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L.

Xét thấy quá trình chung sống giữa anh L và chị T tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh anh L và chị T đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, anh chị luôn bất hòa với nhau về mọi mặt, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tòa án tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng phía anh L cho rằng tình nghĩa vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc anh kiên quyết xin ly hôn với chị T, chị T xin đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng từ khi Tòa án giải quyết cho đến nay chị T và anh L không đoàn tụ được mạnh ai nấy sống

không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Anh L xin được ly hôn với chị T là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của anh L xử cho anh L và chị T được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Tên Lê Thị Kim C, sinh ngày 11/9/2010 là con chung của anh L và chị T **trong thời gian anh chị ly thân đến nay** con chung Lê Thị Kim C sống với chị T, được chị T nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt và theo nguyện vọng của con Lê Thị Kim C được sống chung với chị T. Tại phiên tòa chị T xin được quyền nuôi dưỡng con chung là phù hợp, để con chung Lê Thị Kim C có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, Hội đồng xét xử giao con chung Lê Thị Kim C, sinh ngày 11/9/2010 cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên hoà giải và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng và cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hình thức cấp dưỡng một lần, thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là chưa phù hợp bởi anh L là người cao tuổi, lại không có nghề nghiệp, thu nhập hằng ngày không có, căn cứ vào Điều 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình thì yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng của chị T là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Tại phiên hoà giải và cũng tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Thị Kim C, sinh ngày 11/9/2010 mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con của anh L tại phiên tòa hôm nay là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 107, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh L và chị T không khởi kiện, không tranh chấp. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh L và chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh L được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Văn L.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Lê Thị Kim C, sinh ngày 11/9/2010 sau khi ly hôn.

Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Văn L phải cấp dưỡng nuôi con tên Lê Thị Kim C, sinh ngày 11/9/2010 mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng và cấp dưỡng cho đến khi con chung Lê Thị Kim C, sinh ngày 11/9/2010 đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh L và chị T không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh L và chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn L thuộc diện người diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Lê Văn L được miễn nộp tiền án phí.

Hoàn trả cho anh Lê Văn L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0010976 ngày 23/9/2022 do anh L nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H M T,
huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Thị Tranh